

Bản án số: 552/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2019.
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thor

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cử Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 932/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm: 1972; Địa chỉ: 295 Tỉnh lộ 7, tổ 1, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hữu Đ, sinh năm: 1971; Địa chỉ: 295 Tỉnh lộ 7, Tổ 1, Ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 06/7/2018, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H trình bày bà và ông Trần Hữu Đ sống chung với nhau từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do ông Đ không chung thủy, ăn chơi không chăm lo cho gia đình. Bà nhắc nhở thì ông Đ hành hung, đánh đập bà. Do vậy bà và ông Đ thường xuyên gây gỗ, cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không hòa giải được. Hiện bà và ông Đ không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã không còn sống chung đã hơn 03 năm nay. Bà nhận thấy bà và ông Đ không thể tiếp tục sống chung được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về nuôi con chung: Đã thành niên.

Về chia tài sản chung và về nghĩa vụ dân sự chung, bà xác định không có.

Bị đơn ông Trần Hữu Đ đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị Thu H, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, thuộc tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là ông Trần Hữu Đ có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trần Hữu Đ. Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do ông Đ không chung thủy, không chăm lo cho đời sống chung của vợ chồng mà ham mê cờ bạc. Bà nhắc nhở thì ông Đ hành hung, đánh đập bà, dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không được hạnh phúc. Bà và ông Đ đã không còn sống chung được hơn 03 năm. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn để giải quyết yêu cầu của nguyên đơn đối với quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy bà Đỗ Thị Thu H và ông Trần Tấn Đức tự nguyện sống chung từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông Đ là phù hợp.

Về nuôi con chung: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét về chia tài sản và nghĩa vụ dân sự chung, nguyên đơn xác định không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xét.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nếu có tranh chấp về nuôi con chung, về chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị Thu H và ông Trần Hữu Đ.

2. Về nuôi con chung: Đã thành niên.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc bà Đỗ Thị Thu H phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2017/0032969 ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thơ